

Nhiu ngòi i trong chúng ta đã đc đi đc i nhng câu m đ u và k t thúc Truy n Ki u, nhng không ph i ai cũng hiu h t nhng ý tình n trong đó. Xin gi i thi u v i các b n bài TRĂM NĂM TRONG CỐI NG ÒI I TA trong quy n V nhng th pháp ngh thu t trong văn ch ng Truy n Ki u c a tác gi Phm Đan Qu – Nxb Giáo d c 2002, Nxb Thanh niên tái b n năm 2004.

Truy n Ki u có đc đi m là nhiu khi c đc đi đc i mãi r i ng m nghĩ m i th y đ c h t cái hay. ở đây, chúng tôi ch xin đ c trao đ i tr c h t v k t c u đ n th và tri t lý trong 20 câu Ki u quen thu c: 6 câu đ u và 14 câu cu i t c 20/3.254 câu (0,61%) c a tác ph m b t h này.

A. Tr c h t là 6 câu m đ u tác ph m. Đây là đ n gi i thi u ngu n g c đ tài, c t truy n và c m h ng ch đ o c a tác gi . Trong k t c u tác ph m, đ n th m đ u Truy n Ki u, thu c thành ph n ngoài c t truy n. T câu th 7 tr đi (C o th m l n gi tr c đ n), chúng ta đ c ti p xúc v i gia đình c a nhân v t chính và nhng s ki n m đ u cho câu chuy n v cu c đ i nàng Ki u b c m nh.

Đ nói đ c ch đ c a tác ph m cùng tri t lý trong truy n, Nguy n Du m đ u b ng 6 câu chia làm 3 đ n:

0001. *Trăm năm trong cõi ngòi i ta,
Ch TÀI ch M NH khéo là ghét nhau.*

Đây là thuy t Tài m nh t ng đ c a các nhà Nho áp d ng cho m i ngòi i (Nam cũng nh n). Là con ngòi i thì có tài t m nh kém và ngòi c i. Quan ni m đ c n m t kia, h n tài kém m nh là tinh th n giáo đ u d a theo đ tài, c t truy n trong các tác ph m x a th hi n khuy nh h ng c m h ng chính th ng trong n n văn h c trung đ i. Khuy nh h ng y đã đ c các tác gi kinh đ i n c a Nho gia phát ngôn nh qua sách Lu n ng trong câu “Thu t nhi b t tác” có nghĩa là: Noi theo, d a theo (ngòi i x a) mà không sáng t o.

0003. *Tr i qua m t cu c b dâu,
Nh ng đ i u trông th y mà đau đ n lòng*

Trăm năm trong cõi ng ười ta

Tác Giả: Vietsciences- Ph m Đan Qu
Thứ Ba, 31 Tháng 3 Năm 2009 05:09

Ch ý c a hai câu này là t t t ng Ph t giáo: Đ i là b kh , ý chính là đo n tr ng (đau đ n đ n đ t ru t) cũng là đ nêu nhan đ c a tác ph m: Đo n Tr ng Tân Thanh (Ti ng m i đ t ru t).

Ch mà đây dùng đ nh n m nh m t i than c a tác gi đau đ n vì th y h t đ c cái đau đ n c a nàng Ki u, b i tác ph m c a ông là m t ti ng kêu th ng, ti ng kêu đ t ru t không ch cho m t mà cho m i s ki p b đ a đ y.

0005. *L g b s c t phong,*
Tr i xanh quen thói má h ng đánh ghen.

B : cái kia, s c: ít, t : cái y, phong: nhi u– B s c t phong là đi u kia kém thì đi u này h n, đã đ p (má h ng) thì ph i ch u kh , tr i xanh đã đ nh v y: thuy t H ng nhan b c m nh. Đây là đi n ý c a câu 1–2 cho m i ng i, câu 5–6 dành riêng cho ph n gái – M t n a c a nhân lo i.

Còn câu 2 và 6 i nói v m nh tr i (ch M NH, TR I xanh), đây là thuy t Thiên m nh c a Nho giáo.

Nh v y ch có 6 câu m đ u mà tác gi đã trình bày đ c t i 4 tri t thuy t: thuy t Tài m nh t ng đ c a các nhà Nho, t t ng Ph t giáo: Đ i là b kh , thuy t H ng nhan b c m nh, thuy t Thiên m nh c a Nho giáo. Ch th mà Ch v i hai câu m đ u, nhà Nho Vũ Trinh th k 19 đã phê: “M o đ u s ng c m khái h chi. Khai quy n s cú t n chi “ (m y i m đ u quy n truy n ni m c m khái đã vang theo. M y câu đ u đã nói tr n c t truy n).

Trong ngôn ng truy n th ng, ng i ta g i đây là đo n “phát đoan”. Các nhà nghiên c u văn h c hi n nay x p đo n th này thu c thành ph n ngoài c t truy n mang n i dung bi u hi n ý ki n có tính ch t tri t lý, có giá tr t ng k t c a tác gi . Thu t ng khoa h c g i đo n th này là ngôn ng thuy t lý, là i bình lu n tr tình ho c c th h n, là i bình lu n tr tình ngo i đ . T câu 7 là đo n chuy n: C o th m i n gi

Câu 9– R ng: Năm Gia T nh.. là th i gian, thu c th k 15, câu 10– B n ph ng... hai kinh...là không gian c a câu chuy n s p x y ra đ đi vào tác ph m, b t đ u b ng câu 11: Có

nhà viên ngoái há Váng..

Chỉ với 6 câu thơ mà đáu mà ta thấy á đây một giá trị nghệ thuật đác sắc á tính chất khái quát hàm súc trong nội dung, ý nghĩa bức á tranh táp thể gợi á quan và nhân sinh quan của tác giả và cá một phong cách ngôn ngữ sinh động đáa triát hác đán với thể thơ gợi á văn chương và táo cho giọng thơ thi ca chiáu sâu của tư duy triát hác (Đáng Thanh Lê).

Cũng trong nháng câu thơ đáu này, chúng ta cần chú ý đán một từ thuộc náng Viát mà tác giả đã chọn náng công phu:

Khéo là ghét nhau: khéo á đây là tiếng áy làm người cánhiên, mà a mai, chám chác, táng khen mà ái là chê bai, dùng đáng chê trách nháng khéo thay, rõ khéo biáu thể sắc á lòng, nác cái, khó hiáu cũng nháng khéo trong nháng cám táng khéo cháa, khéo vá. Trong Cung oán ngâm khúc cũng có câu: 88.Cái phong ba khéo cát pháng ái danh.

–áng: cháng có gì là á, biáu thể một thái đáng bức ác, chán ngán, dáng, khinh tháng, quen quá đáng còn áng náa trong các câu:

1161. Đáng áng pán cháng cáng,
áng áng mát cát mát đáng xáa nay.
1287. áng áng thanh khí áng háng,
áng áng mát dây mát buác ai giáng cho ra?

– Quen thói với giọng cháng, báng, khinh thá, xác xác, căm ghét trong câu:

1303. Thúc sinh quen thói bác rái,
áng áng Trám nghìn đáng mát trán cái nháng không

Trong 6 câu, tác giả ghi nhận một cách thán nhiên cái đáng luật oái oăm của ông Trái, của táo hóa với nháng sắc thái biáu cám sinh động biát bao. Với 6 câu này, trong bài Giáng đáng trong văn chương, Hoàng Ngọc Hián viết:

Mười hai câu Truy n Kí u ph i b t đ c cái gi ng c a tác gi trong 6 câu tri t lu n m đ u. Đi u quan tr ng trong đ n m đ u này không ch lu t oái oăm, ác h i c a cõi ng i ta: Tài m nh t ng đ , b s c t phong, h ng nhan b c m nh. Đi u quan tr ng h n c là cái gi ng m a mai h n mát đay đ c a tác gi khi nói đ n nh ng lu t này.

0001. Trăm năm trong cõi người ta,
Ch Tài, ch M nh khéo là ghét nhau

Tác gi không th n nhiên ghi nh n cái lu t oái oăm này. Thái đ tác gi bao hàm nhi u s c thái. T khéo là có bao nhiêu nghĩa thì cái gi ng c a tác gi bi u hi n ở đây có b y nhiêu s c thái: m a mai, h n mát, r n c t, ch m ch c... Tài m nh t ng đ không ph i là t t ng c a Truy n Kí u. Tri t lý c a Truy n Kí u là ở cái gi ng c a tác gi khi nói v t t ng này, nói ở ch khéo là vào câu tài m nh t ng đ .

Câu 5–6: Cũng nh cách phân tích ở trên, b s c t phong, h ng nhan b c m nh không ph i là t t ng đích th c c a Truy n Kí u. Ở đây cái gi ng c a tác gi r t rõ. Tr c lu t cõi đ i và lu t c a tr i, Nguy n Du là m t ng i đáo đ v i cái gi ng đay đ , đay nghi n c a ông: L gì... Ở đây b c l m t thái đ dè b u, b c t c, chán ngán... Cái gi ng v n c a Nguy n Du khi nói đ n lu t h ng nhan b c m nh bao hàm m t thái đ đ i v i tr i xanh, m t cái gi ng “x ng” và thái đ “x c”. V i cái gi ng này và thái đ y, nhà th có ch i luôn c Tr i thì ch ng có gì đáng ng c nhiên...

B. V 14 câu cu i cùng c a tác ph m. N u thuy t Thiên m nh c a Nho giáo đ c nêu ra ở câu 1–2 (ch TÀI, ch M NH) và 5–6 (tr i xanh) thì trong 4 câu đ u c a đ n k t c a tác ph m l i đ c nh c l i và m r ng:

3241. Ng m hay muôn s i TR I
TR I kia đã b t làm ng i có thân
3243. B t phong tr n ph i phong tr n,
Cho thanh cao, m i đ c ph n thanh cao

Ng m hay: ch hai ch này thôi cũng cho ta th y tác gi đã nung n u suy nghĩ r t nhi u đ đ i

đến kết luận này dù còn rất bị quan: ① đời người ta đều có số, do Trời định nh số n (Mệnh Trời). Tác giả dạy người n ông Trời kia bằng cách lập lại chữ TRỜI ngay ở đầu câu 3242 tiếp ngay chữ TRỜI ở cuối câu 3241. Ông còn dùng những chữ bẻ-phủi, cho-mỏi để c, rồi chỉ chỉ t bằng cách lập lại hai lần những chữ phong trần, thanh cao.

Tiếp theo là 4 câu về thuyết Tài mệnh tương đố tương ứng với câu 2 (Chữ TÀI chữ MỆNH khéo là ghét nhau) để c phê bình c thơ :

3245. Có đâu thiên về người nào,
① Ch chữ TÀI chữ MỆNH đời dào c hai,
3247. Có tài mà c y chi tài,
① Ch chữ TÀI li n về i chữ TÀI m t v n.

Tác giả lập lại b n n: chữ TÀI, chữ MỆNH, chữ TÀI, chữ TÀI dùng hai lần chữ TÀI và m t i chữ i chữ rất th n tình Chữ TÀI li n về i chữ TÀI m t v n làm cho người đ c càng th y xót xa, cảm gi n cho cái luật lệ trê trên này c a t o hoá.

Nếu câu 3-4 ở đầu truyện chữ nh m nói triết thuyết đời là b kh c a đ o Ph t (Trời qua m t cu c...Những đời trông th y...) thì ở đây về những chữ c a nhà Ph t nghi p, thân, thi n căn li là 4 câu khuyên ph i làm gì để thoát khỏi b tr m luân, n i đau tri n miên c a nhân lo i, là t tương TU TÂM c a Ph t giáo:

3249. Đã mang l y nghi p vào thân,
① Cùng đ ng trách n tr i gi n tr i xa.
3251. Thi n căn b i t i lòng ta,
① Ch chữ TÂM kia m i b ng ba chữ TÀI.

Th là đo n m đầu Truyện Kiều và đo n kết thúc tác phẩm mang t m đ , ý nghĩa khái quát, t ng kết v toàn b số ph n và tính cách Thúy Kiều, về những v n đ ch y u đã đ t ra trong tác phẩm. Cái li trên hô đ đ i ng nh v y mà chúng tôi đã trình bày trong chương III ở trên xa gi là ph c bút. Nghi p, thân, thi n căn, chữ TÂM là những t c a nhà Ph t. Tác giả m đầu Truyện Kiều bằng 3 đo n, m i đo n 2 câu nói về thuyết Thiên mệnh (Tài mệnh tương đố, H ng nhan b c m nh) c a Nho giáo và đời là b kh c a Ph t giáo thì ở đo n kết ta cũng th y có 3 đo n m i đo n 4 câu nêu li những v n đ y và cũng là đ khép li chữ đ c a truyện. Và chúng ta li càng th y thi hào Nguyễn Du viết ch t ch đ n t ng câu t ng ch : Li li châu ng c, ch ch t n tình th n. Khi đ c đ n 2 câu cuối cùng c a cuốn sách tr c khi g p li, ta

Trăm năm trong cõi người ta

Tác Giả: Vietsciences- Phạm Đan Quứ
Thứ Ba, 31 Tháng 3 Năm 2009 05:09

tháy sao mà khiêm tán váy và quá là rát Nguyán Du:

2353. *Lái quê cháp nhát đông dài*
Mua vui cũng đác mát vài tráng canh.